

MỐI QUAN HỆ GIỮA KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ TRONG NGHIÊN CỨU KINH TẾ HỌC CHÍNH TRỊ TỪ LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN



Phạm Ngọc Khanh*

Huỳnh Thị Kim Quyên*

Vũ Trịnh Thế Quân*

TÓM TẮT:

Mục tiêu của bài tham luận nhằm phân tích về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị; sự giống và khác nhau giữa kinh tế học chính trị và kinh tế học. Bài tham luận tiếp cận làm rõ khía cạnh về mặt lý luận và quá trình vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: chính trị, kinh tế, kinh tế chính trị.

Abstract:

The objective of this paper is to analyze the relationship between economics and politics; the similarities and differences between political economy and economics. The paper clarified the theoretical and practical aspects of the Viet Nam Communist Party in building a socialist-oriented market economy in our country at the present.

Keywords: politics, economics, political economy.

1 GIỚI THIỆU:

Mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong nghiên cứu chính trị là hai trong các cột trụ của khoa học kinh tế thuộc khoa học xã hội. Mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị, giữa kinh tế học chính trị và kinh tế học là như thế nào? Các phần tiếp theo của bài tham luận này nhằm mục tiêu làm rõ vấn đề nêu trên.

2 CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ:

2.1 Các khái niệm:

2.1.1 Khái niệm “Kinh tế”:

Có nhiều định nghĩa khác nhau về kinh tế, chẳng hạn theo Adam Smith, cha đẻ của môn kinh tế, định nghĩa từ “kinh tế” trong cuốn sách nổi tiếng “Sự giàu có của các

* NCS Trường Đại học Kinh tế - Luật – Đại học Quốc gia TP.HCM.

quốc gia” (Wealth of Nations): kinh tế là khoa học học gắn liền với những quy luật về sản xuất, phân phối và trao đổi. Ông cho rằng “sự giàu có” chỉ xuất hiện khi con người có thể sản xuất nhiều hơn với nguồn lực lượng lao động và tài nguyên sẵn có.

Xét theo bản chất, kinh tế là hoạt động của con người cố gắng thực hiện những công việc để sử dụng hiệu quả nguồn lực sẵn có của mình như: tiền, sức khỏe, tài năng thiên bẩm và nhiều tài nguyên khác, để tạo ra những sản phẩm phù hợp với nhu cầu nhân loại. Từ đó tạo ra của cải vật chất cho chính mình.

Hoạt động kinh tế là bất kì hoạt động nào mà sử dụng hiệu quả các nguồn lực sẵn có của mình để tạo ra những sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, đem trao đổi và thu được một giá trị lớn hơn cái mà mình đã bỏ ra. Như vậy, định nghĩa “kinh tế” vào thời mới khai sinh của môn khoa học này đơn giản là: “nghiên cứu về sự giàu có”. Trong cuốn “Kinh tế học” của P.A. Samuelson & W.D. Nordhaus, kinh tế học được mô tả là một môn khoa học “nghiên cứu về các xã hội sử dụng các nguồn lực khan hiếm ra sao để sản xuất các hàng hóa hữu ích và phân phối chúng giữa những nhóm người khác nhau” (1).

Trong bài viết về “Kinh tế tri thức ở Việt Nam”, của Hồ Tú Bảo, tạp chí Tia sáng đăng ngày 20-07-2010 có đưa ra quan điểm: “Theo một định nghĩa được thừa nhận rộng rãi, kinh tế là toàn bộ các hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ của một cộng đồng hay một quốc gia” (3).

Như vậy. có thể hiểu kinh tế là khái niệm chỉ hành vi kinh tế của con người trong hoạt động sản xuất, phân phối trao đổi hàng hoá trên thị trường. Nói đến các cách thức xã hội sử dụng các nguồn lực kinh tế, thật ra vẫn phải quy về việc phân tích hành vi của các cá nhân sản xuất và tiêu dùng có liên quan đến việc sử dụng những nguồn lực trên. Thứ hai, khác với các khoa học xã hội khác (như Tâm lý học, Chính trị học v.v...) cũng quan tâm đến hành vi của con người, kinh tế học chỉ tập trung nghiên cứu về hành vi kinh tế của con người. Đó là những hành vi lựa chọn trong các lĩnh vực sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng.

2.1.2. Khái niệm chính trị:

Politics: chính trị trong ngôn ngữ phương tây ngày nay bắt nguồn từ chữ Hy Lạp. Polis = thành quốc. (Thành Quốc Athens, – một thành quốc đã trải qua đủ loại chính thể). Thuật ngữ “Chính trị” có lẽ được nhắc đến lần đầu tiên trong lịch sử nhân

loại bởi Aristotle-một triết gia Hi Lạp cổ đại, đặc biệt nó còn là tựa đề cho một tác phẩm nổi tiếng và nhiều ảnh hưởng của ông –cuốn “Politics” (Chính trị luận).

Tuy nhiên từ “Chính trị” và các vấn đề chính trị cơ bản như quyền lực và tổ chức nhà nước đã được tiếp cận bởi các triết gia khác như Khổng Tử, Plato.... Dù Aristotle đã khẳng định con người là động vật chính trị, mọi công dân có đạo đức (không phải là nô lệ hay phụ nữ) đều có quyền tham gia chính trị, nhưng một điểm chung lớn trong lý luận của các triết gia cổ đại này là quyền lực chính trị tốt nhất nên được nắm giữ bởi những ông vua thông thái! (8)

Chính trị theo nghĩa rộng hơn là hoạt động của con người nhằm làm ra, gìn giữ và điều chỉnh những luật lệ chung mà những luật lệ này tác động trực tiếp lên cuộc sống của những người góp phần làm ra, gìn giữ và điều chỉnh những luật lệ chung đó.

Khoa học chính trị (các nghiên cứu về chính trị) là ngành học thuật nghiên cứu về chế độ chính trị, hành vi chính trị; miêu tả và phân tích các hệ thống chính trị và các ứng xử chính trị; nghiên cứu về việc giành quyền lực và sử dụng quyền lực. Các lĩnh vực của khoa học chính trị bao gồm: lý thuyết chính trị, triết học chính trị (tìm kiếm các nhân tố cơ bản cho chính trị), giáo dục công dân, các hệ thống chính trị của các quốc gia, phân tích chính trị, phát triển chính trị, quan hệ quốc tế, chính sách ngoại giao, quân sự và pháp luật. (8)

2.1.3. Kinh tế học chính trị:

Kinh tế chính trị là một môn khoa học xã hội nghiên cứu mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị. Thuật ngữ "kinh tế chính trị" được dùng lần đầu tiên năm 1615 bởi Antoine de Montchrétien trong tác phẩm *Traité d'économie politique*. Thuật ngữ "kinh tế chính trị" xuất hiện do kết hợp các từ có nguồn gốc Hi Lạp với nghĩa là "thiết chế chính trị".

2.1.4. Kinh tế học:

Trong một cuốn giáo trình kinh tế học khác, người ta cho rằng “Kinh tế nghiên cứu cách thức xã hội giải quyết ba vấn đề: sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai” (6). Đôi khi, để nhấn mạnh kinh tế học hiện đại chủ yếu quan tâm đến các nền kinh tế thị trường, người ta lại định nghĩa nó như “một môn khoa học xã hội, tập trung nghiên cứu hành vi ứng xử hợp lý của các cá nhân và doanh nghiệp khi chúng quan hệ với nhau thông qua trao đổi trên thị trường” (7) v.v....

3 Mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong nghiên cứu kinh tế chính trị:

Vấn đề cơ bản trong xã hội, trong hoạt động kinh tế là sự tranh luận về vấn đề thị trường, nhà nước, xã hội. Trong hơn một thế kỷ rưỡi qua đã có ba dòng tư tưởng lớn bàn luận về vấn đề này: CN tự do, CN dân tộc và CN Mác đã có tác động rất lớn đến việc chi phối nhận thức của nhân loại.

Trong việc đánh giá mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị có nhiều quan điểm khác nhau, chẳng hạn có quan điểm cho rằng chính trị quan trọng hơn kinh tế vì nói đến chính trị là đề cập đến vai trò của thể chế và Nhà nước nếu không có hành vi của Nhà nước thì không có chính sách để phát triển kinh tế, tiêu biểu cho quan điểm này của CN trọng thương – đây là học thuyết xây dựng Nhà nước và cho rằng thị trường phải là thứ yếu so với mục đích theo đuổi lợi ích của Nhà nước.

Học thuyết này cho rằng chính trị quyết định kinh tế, quyết định các quan hệ kinh tế trong xã hội. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa trọng thương là lĩnh vực lưu thông; lấy tiền làm nội dung căn bản của của cải, là biểu hiện sự giàu có của một quốc gia; dựa vào quyền lực nhà nước để phát triển kinh tế; nguồn gốc của lợi nhuận là từ thương nghiệp do mua rẻ bán đắt... nhằm tích lũy tiền tệ, đẩy nhanh sự ra đời của chủ nghĩa tư bản.

Như vậy, Chủ nghĩa trọng thương chưa biết đến quy luật kinh tế, phương pháp nghiên cứu là sự khái quát có tính chất kinh nghiệm những hiện tượng bề ngoài của đời sống kinh tế – xã hội, họ mới chỉ đứng trên lĩnh vực lưu thông, trao đổi để xem xét những biện pháp tích lũy tư bản. Vì vậy, khi sự phát triển cao hơn của chủ nghĩa tư bản đã dần dần làm cho những luận điểm của chủ nghĩa trọng thương trở nên lỗi thời, phải nhường chỗ cho học thuyết kinh tế mới, tiến bộ hơn.

Chủ nghĩa tự do tiêu biểu là Adam Smith cho rằng tốt nhất kinh tế và chính trị nên tồn tại biệt lập nhau, là hai chủ thể không cần có mối liên hệ. Chủ nghĩa này cho rằng hành vi kinh tế sẽ tự bị chi phối bởi các quy luật kinh tế trên thị trường không cần có sự can thiệp bàn tay hữu hình của Nhà nước, không cần đến yếu tố chính trị “... thị trường nhằm đạt được mục tiêu hiệu quả, phát triển và sự lựa chọn của người tiêu dùng không cần bị chính trị can thiệp” (2).

Các nhà kinh tế chính trị tư sản cổ điển đã chuyển đối tượng nghiên cứu từ lĩnh vực lưu thông sang lĩnh vực sản xuất, mà trong đó “lao động làm thuê của những

người nghèo là nguồn gốc làm giàu vô tận cho những người giàu”. Lần đầu tiên các nhà kinh tế chính trị tư sản cổ điển đã áp dụng phương pháp trừ tượng hoá khoa học để nghiên cứu các hiện tượng và quá trình kinh tế để vạch ra bản chất của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Vì vậy, trường phái này đã nêu được một cách có hệ thống các phạm trù và quy luật kinh tế của xã hội tư bản như: giá trị, giá cả, tiền tệ, tư bản, lợi nhuận, lợi tức, địa tô, tiền lương, tái sản xuất xã hội.... Đồng thời họ là những người ủng hộ tự do cạnh tranh theo cơ chế thị trường tự điều chỉnh.

Tuy nhiên, các nhà kinh tế chính trị tư sản cổ điển còn nhiều hạn chế, coi quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản là quy luật tự nhiên, tuyệt đối, vĩnh viễn. Nhận xét chung về kinh tế chính trị tư sản cổ điển, C. Mác viết: “Ricacđô, người đại biểu vĩ đại cuối cùng của nó, rất cuộc cũng đã lấy một cách có ý thức sự đối lập giữa những lợi ích giai cấp, giữa tiền công và lợi nhuận, giữa lợi nhuận và địa tô, làm khởi điểm cho công trình nghiên cứu của mình và ngây thơ cho rằng sự đối lập đó là một quy luật tự nhiên của đời sống xã hội. Với điều đó, khoa học kinh tế tư sản đã đạt tới cái giới hạn cuối cùng không thể vượt qua được của nó”.

Giữa thế kỉ 19 xuất hiện một số nhà kinh tế học ủng hộ chủ nghĩa tự do kinh doanh cho rằng chính quyền và kinh tế nên hoạt động độc lập với nhau. Họ thay thế môn kinh tế chính trị bằng hai môn khoa học xã hội mới là chính trị học và kinh tế học. Trường phái "kinh tế chính trị tư sản tân cổ điển" xuất hiện với đại diện xuất sắc nhất là Alfred Marshall.

Mặc dù Karl Marx cũng sống trong giai đoạn này và các học thuyết của Marx kế thừa rất nhiều từ Smith, Malthus và Ricardo, song vì ông đã phát triển nó rất xa và chủ trương phương pháp giải quyết các mâu thuẫn kinh tế chính trị hoàn toàn khác với những người đi trước, nghĩa là bằng đấu tranh giai cấp, nên học thuyết kinh tế chính trị của Marx trở thành một trường phái kinh tế chính trị riêng, kinh tế chính trị Marx. Trọng tâm học thuyết của Marx là học thuyết giá trị thặng dư và sau này được Vladimir Ilyich Lenin phát triển thêm. Do đó có kinh tế chính trị Marx-Lênin. Với sự ra đời của CN Mác đã chống lại các quan điểm trước đó. Theo Mác các xung đột chính trị nổi lên giữa các giai cấp vì sự phân chia của cải. Do đó, các xung đột chính trị sẽ chấm dứt khi thị trường và các tầng lớp bị xoá bỏ.

Theo V.I. Lênin, mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị được khái quát trong chính sách Kinh tế mới (NEP) như sau: “Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế” “Chính trị không thể không giữ vị trí ưu tiên so với kinh tế”.

Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế nghĩa là chính trị thuộc kiến trúc thượng tầng, sẽ bị chi phối và quyết định bởi cơ sở hạ tầng. Chính trị ra đời trên nền tảng cơ sở hạ tầng và cơ sở hạ tầng có vai trò quyết định đến sự thay đổi và phát triển của đường lối chính trị, hệ tư tưởng chính trị và cơ cấu của hệ thống chính trị.... Thực tiễn của cuộc cách mạng XHCN và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước trên thế giới và ngay cả ở nước ta đã chứng minh một cách hùng hồn về vai trò của kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với chính trị.

Chính trị là biểu hiện tập trung của nền kinh tế, nên mọi chính sách chính trị đúng đắn đều phải xuất phát từ tình hình hiện thực, phản ánh sát, đúng với trạng thái hiện thực của nền kinh tế và chính sách đó xét cho cùng cũng do tình hình kinh tế quyết định. Tình hình kinh tế là cơ sở xuất phát cho việc lựa chọn các phương tiện, chính sách kích thích nền sản xuất phát triển nhằm hoàn thiện nền sản xuất xã hội. (9)

Chính trị không thể không giữ vị trí ưu tiên so với kinh tế” nghĩa là V.I. Lênin cho rằng: “Từ chỗ các quyền lợi kinh tế đóng vai trò quyết định, tuyệt nhiên không thể kết luận được rằng các cuộc đấu tranh kinh tế lại có một tầm quan trọng bậc nhất, vì những quyền lợi chủ yếu “quyết định” của các giai cấp, nói chung, chỉ có thể thỏa mãn được bằng những cuộc cải biến chính trị căn bản; còn quyền lợi kinh tế trọng yếu của giai cấp vô sản nói riêng chỉ có thể thỏa mãn được bằng một cuộc cách mạng chính trị thay thế chuyên chính của giai cấp tư sản bằng chuyên chính vô sản” [9].

Chính trị là tiền đề, điều kiện tiên quyết cho phát triển kinh tế, đảm bảo cho nhân dân lao động thực hiện có kết quả quyền lực chính trị và quản lý các quá trình hoạt động của xã hội, trong đó có kinh tế. Vì vậy, vai trò hàng đầu của chính trị đối với kinh tế là nhân tố quan trọng nhất để thực hiện lợi ích căn bản của giai cấp công nhân, là đòi hỏi của xã hội nhằm phát triển nền kinh tế có hiệu quả, vì lợi ích tất cả mọi thành viên trong xã hội.

Chính trị có tác động trở lại đối với kinh tế theo hướng thúc đẩy hoặc kìm hãm, nếu quan điểm chính trị mà sai lầm thì nó có thể làm tiêu vong toàn bộ những thành tựu kinh tế, làm cho nền kinh tế phát triển chệch hướng. V.I. Lênin đã nói: “...

cố nhiên là tôi đã, đang và sẽ còn nói mong muốn rằng chúng ta làm chính trị ít hơn, và làm kinh tế nhiều hơn. Nhưng cũng dễ hiểu rằng muốn cho lòng mong muốn thành sự thực thì cần phải không có những nguy cơ về chính trị và những sai lầm chính trị” (9).

Vì vậy, muốn kinh tế phát triển đồng thuận với sự tác động của chính trị, đòi hỏi phải quan tâm tới cả ba phương diện: đường lối, chính sách kinh tế; thể chế kinh tế và chủ thể kinh tế.

Chính trị đóng vai trò định hướng và tạo môi trường chính trị - xã hội ổn định cho phát triển kinh tế. Muốn có một xã hội phát triển toàn diện thì chính trị phải trở thành phương tiện quan trọng, chính trị phải bảo đảm sự lãnh đạo đúng hướng trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống – xã hội (9).

Như vậy, giữa kinh tế và chính trị có mối quan hệ biện chứng. Kinh tế không đứng ngoài mà nằm trong chính trị biểu hiện cụ thể trong đời sống xã hội, và chính trị có sự tác động ngược trở lại kinh tế thể hiện rõ nhất trong chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, đây cơ sở phương pháp luận để các nhà lãnh đạo hoạch định chính sách.

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trong điều kiện lịch sử mới, V.I. Lênin (1870-1924) đã tiếp tục bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác lên tầm cao mới. V.I. Lênin đã sáng tạo ra lý luận khoa học về chủ nghĩa đế quốc; khởi thảo lý luận mới về cách mạng xã hội chủ nghĩa; tính tất yếu khách quan, đặc điểm và nhiệm vụ cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đồng thời V.I. Lênin còn vạch ra những quá trình có tính quy luật trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chính sách kinh tế mới (NEP) có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc đối với sự phát triển của nhân loại. Tóm lại, C. Mác, Ph. ăngghen và V.I. Lênin đã thực hiện cuộc cách mạng vĩ đại trong kinh tế chính trị học. Kinh tế chính trị Mác – Lênin là lý luận sắc bén của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản.

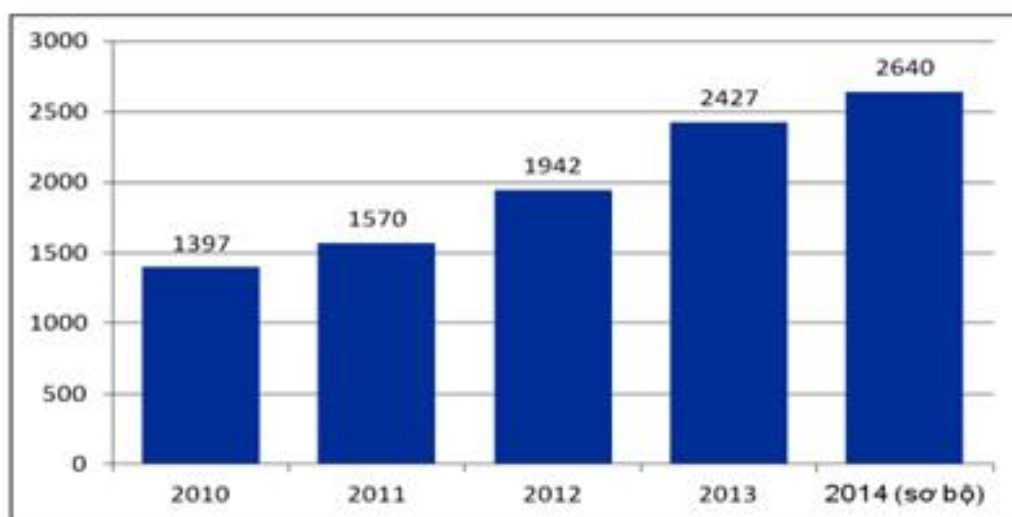
4 Mối quan hệ giữa kinh tế học chính trị và kinh tế học:

Trong phương pháp luận nghiên cứu kinh tế học chính trị có sự liên ngành với nhiều môn khoa học khác. Một trong những môn khoa học có mối liên hệ chặt chẽ từ lý luận cho đến thực tiễn của môn kinh tế học chính trị chính là kinh tế học.

- Mối quan hệ:

+ **Về mặt lý luận:** Kinh tế học chính trị và kinh tế học có mối quan hệ mật thiết. Lý luận của kinh tế học chính trị được sử dụng cho phần nghiên cứu định tính của kinh tế học.

+ **Về mặt thực tiễn:** Mối quan hệ giữa kinh tế học và kinh tế học chính trị là chặt chẽ. Kinh tế học sử dụng kinh tế lượng để chứng minh cho phần nghiên cứu định tính bằng các nghiên cứu định lượng. Nhằm làm vững chắc thêm những kết quả nghiên cứu mà phần định tính đã làm được.



Hình 1. Số lượng công bố KH&CN của Việt Nam trong CSDL Web of Science giai đoạn 2010 – 2014.

Nguồn: Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia (tra cứu và xử lý từ CSDL Web of Science, ngày 20/03/2015).

- Sự khác nhau:

Thật ra, đây chỉ là các cách thức diễn đạt khác nhau về đối tượng nghiên cứu của kinh tế học. Có sự thừa nhận chung là: **thứ nhất**, kinh tế học là một môn khoa học

xã hội, vì nó tập trung nghiên cứu và phân tích về hành vi con người. Như ta đã biết, các vấn đề kinh tế chỉ nảy sinh khi có sự khan hiếm. Vì vậy, hành vi kinh tế của các cá nhân luôn luôn gắn chặt với tình trạng khan hiếm của các nguồn lực. **Thứ hai**, khi các nguồn lực là khan hiếm, lựa chọn kinh tế của các cá nhân hay xã hội có thể quy về những lựa chọn cơ bản nhất mà mọi cộng đồng người đều phải đối diện: sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, sản xuất cho ai. **Thứ ba**, theo nghĩa rộng, kinh tế học có thể nghiên cứu cách thức xã hội quản lý các nguồn lực khan hiếm cả trong các hệ thống kinh tế thị trường (có tính đến sự can thiệp của nhà nước) lẫn các hệ thống kinh tế phi thị trường. Tuy nhiên, như ở trên chúng ta đã đề cập, trong điều kiện của thế giới đương đại, mô hình kinh tế hỗn hợp hay kinh tế thị trường là mô hình phổ biến. Vì thế, kinh tế học thị trường vẫn là nội dung chính của kinh tế học.

Tóm lại, bỏ qua những khác biệt trong các cách “nhân” khác nhau của phương thức diễn đạt, có thể định nghĩa: Kinh tế học là môn khoa học xã hội nghiên cứu về cách thức lựa chọn của các cá nhân và xã hội trong việc sử dụng các nguồn lực khan hiếm để sản xuất các sản phẩm đầu ra (hữu hình và vô hình) và phân phối chúng cho các thành viên khác nhau của xã hội.

Kinh tế chính trị là một môn khoa học xã hội nghiên cứu mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị. Thuật ngữ "kinh tế chính trị" được dùng lần đầu tiên năm 1615 bởi Antoine de Montchrétien trong tác phẩm *Traité d'économie politique*. Thuật ngữ "kinh tế chính trị" xuất hiện do kết hợp các từ có nguồn gốc Hi Lạp với nghĩa là "thiết chế chính trị".

"Kinh tế chính trị" chỉ nghệ thuật quản lý kinh tế của một quốc gia để phân biệt với "kinh tế" là việc quản lý gia đình (từ tiếng Anh "political" có nguồn gốc từ *politike* trong tiếng Hy Lạp nghĩa là lo việc nước; còn "economy" có nguồn gốc từ chữ *oikonomia* trong tiếng Hy Lạp nghĩa là quản lý gia đình; *political economy* được dịch ra tiếng Việt là "kinh tế chính trị"). Có thể nói, kinh tế chính trị là kinh tế học dưới con mắt của chính khách. Học thuyết kinh tế chính trị có tính hệ thống đầu tiên là học thuyết của Adam Smith trong thế kỷ 18. Trong tác phẩm nổi tiếng *An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations* (Tìm hiểu về bản chất và nguồn gốc của cải của các quốc gia, 1776, thường được gọi tắt là *Của cải của các quốc gia* hay *Quốc phú luận*), Adam Smith chỉ rõ:

"Political economy considered as a branch of the science of a statesman or legislator proposes two distinct objects, first, to supply a plentiful revenue or subsistence for the people, or more properly to enable them to provide such a revenue or subsistence for themselves; and secondly, to supply the state or commonwealth with a revenue sufficient for the public service. It proposes to enrich both the people and the sovereign."

Bảng 1. Số lượng các công bố quốc tế của tác giả Việt Nam giai đoạn 2011-2015.

Năm xuất bản	Số lượng bài báo	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
2011	1570	-
2012	1942	23.69
2013	2427	24.97
2014	2699	11.12
2015 (ước tính)	3100	14.86
Tổng	11738	

Nguồn: Web of Science.

- Khuyến nghị:

Các bài nghiên cứu, công trình khoa học, bài báo khoa học hiện nay nên kết hợp giữa kinh tế học chính trị và kinh tế học. Và nên kết hợp giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Hơn nữa, các bài luận văn, luận án cũng nên theo xu thế kết hợp cả nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng.

5 Sự vận dụng của ĐCS VN trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN hiện nay:

Việt Nam đã vượt qua chặng đường 30 năm đổi mới, với nhiều khó khăn thử thách. Việt Nam đã đạt được những tiến bộ quan trọng trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường. So với thời kỳ đầu đổi mới, nền kinh tế thị trường Việt Nam đã phát triển lên một trình độ cao hơn. Hệ thống thị trường đầy đủ hơn, các yếu tố thị trường hoàn thiện hơn. Tác động của các quy luật của thị trường, của các quan hệ thị trường thể hiện ngày càng rõ và mạnh hơn. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam luôn đạt tốc độ cao và khá ổn định. Việt Nam được biết đến là một trong những nước tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới và phát triển kinh tế của Việt Nam đã được cải

thiện trong nhiều năm qua. Thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam tăng từ 1.273 USD năm 2010 lên 2.109 USD năm 2015. Điều quan trọng hơn là sự phát triển kinh tế của Việt Nam là khá vững chắc. Kết quả nghiên cứu này của các chuyên gia phân tích chính sách của Ngân hàng Thế giới được rút ra khi so sánh Việt Nam với các nước trên thế giới và với các nước trong khu vực. Việt Nam cũng đã sớm về đích khi thực hiện được một số mục tiêu phát triển thiên niên kỷ.

Sau 10 năm gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), kinh tế Việt Nam mặc dù bị ảnh hưởng do tác động của của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, khủng hoảng nợ công, nhưng nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng bình quân là 6,29%/năm, đây là thành tựu hết sức quan trọng. Việc thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 thể hiện quyết tâm của Việt Nam theo đuổi mục tiêu trở thành một nước có thu nhập trung bình và về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Bối cảnh đó đặt ra những thách thức mới cho việc xây dựng và thực thi chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước trong thời kỳ tới. Các chính sách kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong thời gian tới phải thực hiện các cam kết của WTO với cách tiếp cận “hướng tới sự phát triển” thay vì chỉ tuân thủ theo đúng cam kết. Mặt khác, việc trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình và quốc gia công nghiệp không chỉ đơn thuần là chuyển đổi nền kinh tế mà đồng thời nó gắn với những thay đổi dần dần trong mối quan hệ giữa Nhà nước và xã hội, nhân dân. (i) nền kinh tế phức tạp hơn, nhiều sự khác biệt hơn giữa các vùng, ngành. Do đó, đòi hỏi phải có những đối sách khác nhau, bảo đảm điều hòa các yêu cầu khác nhau và vì mục tiêu phát triển chung; (ii) mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập trung bình là có thể thực hiện được nhưng điều đó không có nghĩa là Việt Nam chắc chắn trở thành nước phát triển, nước công nghiệp. Do đó, việc xây dựng thể chế, chính sách quản lý nói chung, xây dựng và thực thi chính sách kinh tế vĩ mô nói riêng ngày càng phức tạp là điều cấp bách, là chìa khóa bảo đảm sự thành công của những mục tiêu; (iii) nền kinh tế ngày càng phức tạp hơn, đòi hỏi phải quản lý rủi ro tốt hơn; (iv) trở thành quốc gia có thu nhập trung bình, trở thành nước công nghiệp, Việt Nam có khả năng bảo vệ môi trường của mình tốt hơn. Điều đó đòi hỏi năng lực quản lý kinh tế vĩ mô, năng lực xây dựng và thực thi chính sách kinh tế vĩ mô tốt hơn; (v) khi Việt Nam đã trở thành một nước có thu nhập cao,

sẽ được hưởng ít hỗ trợ ưu đãi hơn từ bên ngoài, sẽ phải dựa nhiều hơn vào nội lực của chính mình. Điều đó đòi hỏi việc xây dựng và thực thi chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước phải được nâng lên tầm cao hơn.

Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta hiện nay là một mô hình hoàn toàn mới. Do vậy, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN là một quá trình hoàn thiện, đổi mới và sáng tạo không ngừng trong nhận thức, tư duy lý luận và thực tiễn. Các Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII đã làm rõ và thể hiện bước phát triển mới trên nhiều luận điểm quan trọng, trong đó có những luận điểm lần đầu tiên được đề cập.

Một là, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN nước ta là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường. Trên thực tế, nền kinh tế nước ta đang từng bước được công nhận là nền kinh tế thị trường và đến năm 2018, sẽ được các thành viên WTO công nhận là nền kinh tế thị trường đầy đủ.

Điều đó cũng có nghĩa là nền kinh tế của chúng ta không khác biệt mà mang đầy đủ các đặc trưng phổ biến của kinh tế thị trường, như: tự do kinh doanh và cạnh tranh; mở cửa và hướng tới tự do hóa; đa dạng hóa các hình thức sở hữu; lấy quy luật giá trị và quan hệ cung cầu để xác định giá cả; đề cao tinh thần khởi nghiệp; coi cạnh tranh là động lực phát triển; phân bổ nguồn lực phát triển và xử lý những yếu kém nội tại của nền kinh tế theo các nguyên tắc của thị trường...

Hai là, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN của nước ta là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Điều này phản ánh tiến trình hội nhập quốc tế sâu, rộng trên nhiều cấp độ của nước ta trong thời gian qua đưa nền kinh tế Việt Nam trở thành một bộ phận hữu cơ của nền kinh tế thị trường thế giới việc tuân thủ các chuẩn mực chung của thế giới để phát triển, thực hiện tự do hóa trong các lĩnh vực thương mại, đầu tư, tài chính, dịch vụ, lao động kỹ năng... và quan trọng hơn, là tuân thủ các cam kết quốc tế đã ký, nỗ lực cải cách thể chế kinh tế bên trong, đáp ứng các tiêu chí để được công nhận là nền kinh tế thị trường đầy đủ. Vì vậy, cần phải tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả; phát triển nhanh và bền vững; tham gia vào chuỗi giá trị và mạng sản xuất toàn cầu; phát triển kinh tế tri thức, chú trọng đổi mới sáng tạo trên nền tảng khoa học - công nghệ hiện đại; thiết lập các thị trường

yếu tố sản xuất, hàng hóa và dịch vụ hiệu quả; phát triển hệ thống an sinh và phúc lợi xã hội tiên tiến; thúc đẩy và hoàn thiện những chuẩn mực văn minh trong sản xuất và tiêu dùng...

Ba là, thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển; là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất. Trong giai đoạn vừa qua, sự phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân, khu vực FDI, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, phát triển thị trường chứng khoán, xã hội hóa dịch vụ công, triển khai đối tác công - tư một cách sáng tạo trong xây dựng cơ bản và phát triển kết cấu hạ tầng... đã góp phần giải phóng sức sản xuất và mọi tiềm năng phát triển trong và ngoài nước.

Bốn là, Đảng ta khẳng định mạnh mẽ hơn vai trò của kinh tế tư nhân giai đoạn trước, ta đã coi “kinh tế tư nhân là một trong các động lực của nền kinh tế”, lần này Đảng ta khẳng định và dứt khoát hơn, coi “kinh tế tư nhân là động lực quan trọng của nền kinh tế”. Trong những năm qua, hàng trăm nghìn doanh nghiệp tư nhân đã làm nên sự phát triển năng động của nền kinh tế, góp phần quan trọng tạo việc làm, nâng cao thu nhập của người dân, mạnh dạn đột phá và đi đầu trong nhiều lĩnh vực sản xuất - kinh doanh mới. Trong quá trình hội nhập, nhiều doanh nghiệp tư nhân đã vươn ra bên ngoài và khẳng định thương hiệu của mình trên thị trường thế giới. Lực lượng doanh nhân Việt Nam đông đảo, rộng khắp, ở mọi loại hình và quy mô, đang có tiếng nói và vai trò ngày càng quan trọng trong các quyết sách phát triển đất nước.

Năm là, các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển nhưng phải phù hợp với cơ chế thị trường. Ở trình độ phát triển chưa cao như nền kinh tế nước ta, Nhà nước đóng vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội. Nhà nước sử dụng các nguồn lực của mình, cùng các công cụ, chính sách để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, việc phân bổ các nguồn lực của Nhà nước không thể theo ý muốn chủ quan, bất chấp quy hoạch và kế hoạch phát triển, mà phải theo các tín hiệu tích cực của thị trường, đảm bảo sự minh bạch và có hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

1. Robert B. Ekelund, Jr. & Robert F. Hébert, *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, Nhà xuất bản Thống kê.
2. Gilpin, Robert, (1987), *Ba tư tưởng về Kinh tế chính trị*, Nghiên cứu Quốc tế. Website Nghiên cứu Quốc tế.net
3. Hồ Tú Bảo (2010), *Kinh tế tri thức ở Việt Nam*, Tạp chí Tia sáng đăng ngày 20-07-2010
4. TS. Đoàn Tranh, *Sự khác biệt giữa kinh tế phát triển, kinh tế học truyền thống và kinh tế chính trị*, Đại học Duy Tân.
5. PGS.TS. Phí Mạnh Hồng (Quantri.vn biên tập và hệ thống hóa), *Định nghĩa về kinh tế học*, Website quantri.vn. Truy cập tại: <http://quantri.vn/dict/details/8093-dinh-nghia-ve-kinh-te-hoc>
6. *Định nghĩa về kinh tế học chính trị*, Website quantri.vn. Truy cập tại: <http://quantri.vn/dict/details/8197-kinh-te-chinh-tri>
7. *Lược sử hình thành và phát triển môn kinh tế – chính trị*, Website quantri.vn. Truy cập tại: <https://hoctap24h.vn/luoc-su-hinh-thanh-va-phat-trien-mon-kinh-te-chinh-tri>
8. *Chính trị là gì?*, Website thuquantriethoc.blogspot.com. Truy cập tại: <https://thuquantriethoc.blogspot.com/2013/10/chinh-tri-la-gi.html>
9. Võ Thị Kiều Trinh, *Biện chứng giữa kinh tế với chính trị trong chính sách kinh tế mới của Lênin và sự vận dụng của ĐCS VN*, NCKH ngày 13.1.2015.
8. *V.I.Lênin toàn tập* (1978), tập 6, NXB Tiến bộ.
9. *V.I.Lênin toàn tập* (1978), tập 43, NXB Tiến bộ.